

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:20/2021/DS-ST
Ngày 28-12-2021
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trương Xuân Vũ;

2- Ông Hoàng Văn Khiếu.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Thu Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2021/DS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Kh** 39 tuổi

Địa chỉ: Tổ 10 thị trấn Y Th- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

Bị đơn: Chị **Hoàng Thị T** 51 tuổi

Địa chỉ: Thôn Kh- xã M T- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 30-6-2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Hoàng Thị Kh trình bày: Ngày 07-7-2020 chị có cho chị Hoàng Thị T vay số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn trả là hết năm 2020 dương lịch, lãi suất thoả thuận là 1%/tháng. Quá thời hạn trên, mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng chị T không trả như đã thoả thuận, nay chị khởi kiện yêu cầu chị T phải trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Trong biên bản lấy lời khai và tại phiên hòa giải bị đơn là chị Hoàng Thị T xác nhận có ký vào giấy vay tiền ngày 07-7-2020 do nguyên đơn cung cấp, tuy

nhiên chị khẳng định số tiền này chị không được vay mà do vợ chồng con trai là Triệu Văn Th, Long Thị T vay lúc đầu là 36.000.000 đồng. Do không trả được đúng hạn nên chị Kh đã tính lãi lên đến 100.000.000 đồng sau đó chị Kh đã đưa người đến bắt chị phải viết giấy vay tiền. Khoản tiền này các con chị vay từ khi nào, vay về làm gì chị không biết, hiện tại các cháu đang đi làm trong miền Nam. Nay chị Kh yêu cầu phải trả số tiền trên chị không đồng ý.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Hoàng Thị T phải trả cho chị Hoàng Thị Kh số tiền đã vay và tiền lãi theo quy định của pháp luật...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các cá nhân; bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã M T- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Ngày 07-7-2020 giữa chị Hoàng Thị Kh và chị Hoàng Thị T đã xác lập hợp đồng vay tài sản, theo đó chị T vay của chị Kh số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến hết năm 2020 dương lịch. Quá hạn chị T không trả tiền theo thỏa thuận nên chị Kh làm đơn khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không thỏa thuận được. Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị T phải trả số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bị đơn cho rằng đây là số tiền vợ chồng con trai vay, do không trả được đúng hạn nên chị Kh đã tính lãi lên đến 100.000.000 đồng sau đó đưa người “Xã hội đen” đến bắt chị phải ký giấy vay tiền; chị khẳng định không được vay tiền nên không nhất trí trả.

Xét sự phản đối của bị đơn:

Thứ nhất: Tại giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp được bị đơn xác nhận chữ ký thể hiện đầy đủ nội dung chị T vay của chị Kh số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 07-7-2020 dương lịch mà không có một thông tin nào thể hiện đây là số tiền các con của chị Hoàng Thị T đã vay.

Thứ hai: Nhà chị T ở gần trụ sở UBND xã M T là khu trung tâm đông dân cư, nếu xảy ra việc nguyên đơn đưa người “Xã hội đen” đến ép phải ký giấy mặc dù không được vay tiền, chị T hoàn toàn có đủ khả năng để gọi mọi người xung

quanh hoặc lập tức báo chính quyền địa phương đến giải quyết. Tuy nhiên qua xác minh, địa phương khẳng định trong khoảng thời gian từ đầu tháng 7 cho đến cuối năm 2020 không có đơn thư cũng như bất cứ thông tin nào phản ánh việc có người “Xã hội đen” đến ép công dân trên địa bàn xã ký giấy vay tiền.

Theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*; nếu *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T không xuất trình được một chứng cứ nào để chứng minh. Đối chiếu quy định đã viện dẫn thì sự phản đối của bị đơn nêu trên không có căn cứ chấp nhận.

Tại khoản 1 điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*. Trong vụ án này mặc dù chị Kh đã nhiều lần yêu cầu nhưng chị T vẫn không thanh toán đầy đủ số tiền trên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, do đó yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Kh có căn cứ chấp nhận.

Yêu cầu về lãi suất: Theo chị Kh trình bày thì khi vay tiền lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng, tuy nhiên tại giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp không có nội dung thỏa thuận về lãi suất nên trong trường hợp này được coi là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi.

Tại khoản 4 điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc có quy định khác”*.

Theo giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp thì thời hạn vay đến hết năm 2020 dương lịch. Như vậy thời gian chậm trả sẽ tính từ ngày 01-01-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 28-12-2021. Lãi suất theo khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

$100.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 11 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 9.940.000 \text{ đồng.}$

Như vậy cần buộc chị Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ trả cho chị Hoàng Thị Kh tổng số tiền gồm: 100.000.000 đồng (Tiền gốc) + 9.940.000 đồng (Tiền lãi) = 109.940.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên chị Hoàng Thị Kh được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Hoàng Thị T có nghĩa vụ phải trả cho chị Hoàng Thị Kh số tiền là 109.940.000đ (*Một trăm linh chín triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/Về án phí: Căn cứ khoản 1 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chị Hoàng Thị T phải chịu 5.497.000đ (*Năm triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Hoàng Thị Kh được hoàn lại 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2021/0002027 ngày 08-10-2021.

3/Về quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô